

Số: 266/KH-UBND

Phú Mỹ, ngày 27 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH
Triển khai chuyển đổi số thị trấn Phú Mỹ năm 2025,
định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 289/KH-UBND ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân về triển khai chuyển đổi số huyện Phú Tân năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ ban hành Kế hoạch triển khai chuyển đổi số năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu và định hướng, xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp và phân công cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, các địa phương để tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch số 289/KH-UBND ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân.

2. Yêu cầu

a) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn thị trấn.

b) Tổ chức thực hiện Kế hoạch này phải đúng theo các quy định của pháp luật hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chuyển đổi số.

c) Các nhiệm vụ, mục tiêu, đầu tư dự án đề ra phải đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo giữa các cơ quan.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Tham gia phối hợp thực hiện Chương trình chuyển đổi số huyện Phú Tân đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và đẩy nhanh thực hiện Chương trình chuyển đổi số của thị trấn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Phần đầu đến năm 2025, phát triển kinh tế số đạt 10% GRDP; tập trung chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm, thế mạnh của thị trấn về

thường mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, ...; nâng cao hoạt động hiệu quả quản lý, điều hành các cơ quan đảng, nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và đời sống vật chất tinh thần của người dân.

c) Phân đầu đến năm 2030, phát triển kinh tế số đạt 20% GRDP.

d) Phối hợp triển khai chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2025 và định hướng đến năm 2030

2.1. Mục tiêu năm 2025

a) Về chính quyền số

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình.
- 60% thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 80% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng.
- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.
- 100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.
- Hoàn thiện việc xây dựng chính quyền số; cơ quan nhà nước chỉ đạo, điều hành trên dữ liệu thực.
- Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) lần lượt tại cấp xã.

b) Về kinh tế số

- Phân đầu kinh tế số đạt 10% GRDP.
- Phân đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 10%.
- Có sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt trên sàn thương mại điện tử.

- 60% dân số tham gia mua sắm trực tuyến.
- Trên 60% người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh.
- Doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử.
- Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử (thông qua chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số).
- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

c) Về xã hội số

- 100% hộ gia đình có địa chỉ số.
- 90% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.
- Điện thoại di động thông minh.
- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 70%.
- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 90%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 80%.
- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp tài khoản giao dịch thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử.

2.2. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

a) Về chính quyền số

- Hoàn thiện cơ bản việc xây dựng chính quyền số; cơ quan nhà nước chỉ đạo, điều hành trên dữ liệu thực.
- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.
- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.
- 100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

b) Về kinh tế số

- Phân đầu kinh tế số đạt 20% GRDP.
- Phân đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 20%.
- 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.
- 100% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

c) Về xã hội số

- 95% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.

- 80% dân số, 100% doanh nghiệp có tài khoản giao dịch thương mại điện tử, thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G và các công nghệ sau 5G.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 95%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 90%. Chi tiết bản phân công cơ quan phụ trách các chỉ tiêu tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và người dân về sự cấp thiết của chuyển đổi số theo Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu trong việc chủ động, sáng tạo tổ chức triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số gắn với công tác cải cách hành chính, phát triển kinh tế.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tuyên truyền, thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương. Tuyên truyền, hỗ trợ

người dân và doanh nghiệp vào quá trình chuyển đổi số; tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng số; phát triển nguồn nhân lực; bảo đảm an toàn, an ninh mạng

a. Cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng số

Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực cho lĩnh vực công nghệ thông tin. Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số và doanh nghiệp số trên địa bàn Tỉnh. Tăng cường nghiên cứu, hợp tác phát triển và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số. Phối hợp xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung của Tỉnh; chuẩn hóa và xây dựng các quy trình vận hành các hệ thống thông tin để bảo đảm công tác vận hành, khai thác được hiệu quả. Thực hiện kết nối với các nền tảng số quy mô quốc gia, như các nền tảng chung về: tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia, định danh và xác thực điện tử quốc gia, thanh toán điện tử; giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng. Triển khai ứng dụng dùng chung của An Giang như một nền tảng số cung cấp đa dịch vụ, tiện ích theo hướng chia sẻ, tích hợp dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương,...

Cấu trúc lại hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; khai thác hiệu quả các nền tảng và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu của đô thị; thúc đẩy mô hình quản lý thông minh trong vận hành, quản lý và khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật của đô thị.

b. Phát triển nguồn nhân lực

Cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng và tập huấn cho người dân trên địa bàn. Đưa nội dung đào tạo về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình các cấp học. Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đẩy mạnh các chương trình đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

3. Tập trung xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, phát triển xã hội số

a. Xây dựng chính quyền số

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện tốt các chính sách; cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Hoàn thiện trung tâm dữ liệu, mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống phần mềm dùng chung, dịch vụ số hóa dữ liệu. Thực hiện số hóa dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, các ngành phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước tập trung, thông suốt. Đẩy mạnh hợp trực tuyến, hợp không giấy, chữ ký số, ... nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính.

Hướng dẫn người dân và doanh nghiệp triển khai các ứng dụng, nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên nền tảng số. Xây dựng, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, truy cập, sử dụng, góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số. Kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Tỉnh (LGSP), với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP) để chia sẻ, khai thác dữ liệu tỉnh, quốc gia.

Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý đô thị, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số ở đô thị gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị thông minh, thí điểm và hoàn thiện mô hình xã thông minh.

b. Phát triển kinh tế số

Đẩy mạnh công tác phổ biến kiến thức chung về kinh tế số. Tăng cường phổ biến quy định, đẩy mạnh các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển sang sản xuất, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số. Nâng cao chất lượng nhân lực, hạ tầng thiết bị cơ bản phục vụ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thị trấn.

c. Phát triển xã hội số

Tạo môi trường thuận lợi phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh, dễ sử dụng cho người dân. Tăng cường hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân và hình thành dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin dùng chung.

Phối hợp triển khai nền tảng số kết nối, phục vụ trực tuyến toàn chương trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, giáo viên để hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số.

Phối hợp triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy và nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa để tạo sự bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế giữa nông thôn và thành thị.

Tăng cường triển khai trên không gian mạng các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, xây dựng văn hóa và con người An Giang nghĩa tình, năng động, sáng tạo, quảng bá hình ảnh địa phương.

Phổ cập điện thoại di động thông minh, dịch vụ mạng di động (4G/5G), Internet cáp quang băng rộng.

4. Tập trung chuyển đổi số một số ngành, lĩnh vực trọng yếu

a. Lĩnh vực du lịch: giới thiệu các điểm tham quan, di tích lịch sử, ứng dụng công nghệ số trong du lịch

b. Lĩnh vực nông nghiệp

Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp trên nền tảng dữ liệu lớn có sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng. Áp dụng các chương trình, phần mềm, thiết bị Internet vạn vật nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên (nước, đất đai), kiểm soát dịch bệnh, tăng năng suất lao động, giảm phụ thuộc vào điều kiện thời tiết.

Chủ động tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử kết nối cung cầu sản phẩm nông nghiệp. Thu hút, phát triển các sản phẩm ứng dụng trong nông nghiệp. Tạo dựng môi trường, hệ sinh thái số nông nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi từ "Sản xuất nông nghiệp" sang "Kinh tế nông nghiệp", phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

c. Lĩnh vực y tế

Nâng cao chất lượng khám và điều trị, ngăn ngừa dịch bệnh, từng bước tạo ra sự bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế giữa khu vực nông thôn và thành thị d. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo Chú trọng hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành Giáo dục và Đào tạo; bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ công nghệ thông tin, kiến thức số, kỹ năng số cho công chức, viên chức toàn Ngành.

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ động sử dụng nguồn kinh phí đã được Ủy ban nhân dân huyện bố trí giao dự toán hằng năm, bố trí tại các dự án, đề án, chương trình đã được phê duyệt, các nguồn kinh phí hợp pháp khác và huy động từ nguồn xã hội hóa để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; đồng thời, chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số thị trấn:

Chủ trì, điều hành, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này.

2. Công chức Văn phòng – Thống kê.

- Tham mưu UBND thị trấn xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này, phù hợp điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, trong

đó xác định các nội dung nhiệm vụ cụ thể để phấn đấu đạt các chỉ tiêu đề ra thuộc trách nhiệm của địa phương phụ trách.

- Chủ động rà soát các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Kế hoạch này, lựa chọn khâu đột phá, lĩnh vực ưu tiên thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương mình, đề xuất danh mục dự án đầu tư; kinh phí chi thường xuyên, nhằm triển khai thành công các mục tiêu đề ra.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Văn hóa và Thông tin và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Văn hóa và Thông tin) để báo cáo UBND huyện và Sở Thông tin và Truyền thông.

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc các ngành, đoàn thể và các khóm triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

3. Công chức Văn hóa – Xã hội:

Tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, công chức, người lao động về ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong phát triển của từng ngành, lĩnh vực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn.

4. Công chức Tài chính - Kế hoạch:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, cân đối đề xuất cấp thẩm quyền phân bổ vốn đầu tư theo khả năng cân đối vốn và quy định của Luật Đầu tư công để triển khai thực hiện.

Trên cơ sở dự toán hằng năm của địa phương theo khả năng cân đối ngân sách thực hiện tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân huyện về nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch trên cơ sở lồng ghép với các chương trình dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

5. Cán bộ Đài truyền thanh:

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số của thị trấn. Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu về chuyển đổi số của từng ngành, lĩnh vực.

6. Đề nghị UBMTTQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội:

Phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, công chức đơn vị, hội viên trực thuộc về chuyển đổi số, có ý nghĩa quyết định, quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn.

Phối hợp đề ra các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này thực hiện xây dựng Kế hoạch để tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này, phù hợp điều kiện, tình hình thực tế của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai chuyển đổi số thị trấn Phú Mỹ năm 2025, định hướng đến năm 2030; Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các ngành, các khóm phản ánh về công chức Văn phòng – Thống kê phụ trách công tác chuyển đổi số để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thị trấn xem xét, cho ý kiến thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng VH-TT huyện;
- TT. ĐU, HĐND, UBND thị trấn;
- Mặt trận, các đoàn thể,
- Các ngành, các khóm;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Vinh